TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2024
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Ba

Ông Ngô Rạng Đông

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà*: Không tham gia.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2024/TLST - HNGĐ ngày 25/3/2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST - HN ngày 05/4/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn Đ**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ 1, ấp BT, xã BT, thành phố PQ, tỉnh KG (*Có mặt*).

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 22, ấp BT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG (*Có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Văn Đ trình bày và yêu cầu như sau*:

- *Về hôn nhân*: Tôi và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1997. Trước khi chung sống vợ chồng không có quen biết nhau trước mà do gia đình mai mối. Tuy nhiên, từ khi chung sống đến nay, chúng tôi chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có bất đồng quan điểm do vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay, tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chị H không còn nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- *Về con chung*: Tôi và chị H có 01 con chung là Đặng Văn H1, sinh ngày 29/10/1998. Hiện nay, cháu H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Trong quá trình chung sống, giữa tôi và chị H không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Tôi cam kết là trong quá trình chung sống, giữa tôi và chị H không có nợ ai và cũng không ai nợ chúng tôi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:* Chị H xác nhận, chị và anh Đ chung sống với nhau từ năm 1997 cho đến ngày anh Đ có đơn khởi kiện ly hôn thì anh chị vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn, anh chị có 01 con chung là Đặng Văn H1, sinh ngày 29/10/1998 hiện nay đã trưởng thành, không có tài sản chung, không có nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân như anh Đ trình bày là đúng.

Nay, chị H yêu cầu:

- *Về hôn nhân*: Đồng ý ly hôn với anh Đặng Văn Đ.

- *Về con chung*: Cháu Đặng Văn H1, sinh ngày 29/10/1998 hiện nay đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa*:

- *Anh Đ:* Yêu cầu được ly hôn với chị H; Cháu H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chị H:* Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Đặng Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị H. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*" và khi được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì chị H có nơi cư trú tại ấp BT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 cho đến nay mặc dù anh chị chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (*UBND xã, phường, thị trấn nơi cả hai cư trú*) là vi phạm nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cũng đồng ý ly hôn với anh Đ nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị H.

[3] *Về quan hệ con chung:* Trong quá trình giải quyết, anh Đ và chị H xác định có 01 con chung là Đặng Văn H1, sinh ngày 29/10/1998. Hiện nay, cháu H1 đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Đ và chị H xác định, không có phát sinh tài sản chung và cam kết không có nợ chung trong thời gian anh chị chung sống nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Buộc anh Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị H.

2. *Về án phí dân sự (HNGĐ) sơ thẩm*: Buộc anh Đặng Văn Đ chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006888 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nên anh Đ không phải nộp thêm.

3. *Quyền kháng cáo:* Anh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 24/4/2024*).

Riêng chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Cẩm Lình